TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 197/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19-12-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng
Ông Nguyễn Ngọc Anh Hào

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông P Thanh Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa***: Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2024/TLST–HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp AĐ, xã LĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 22/11/2024.

- *Bị đơn:* Anh **Đào Văn P**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp AĐ, xã LĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh P đề nghị xét xử vắng mặt, tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/10/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đào Văn P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Long Điền Tây, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Uỷ ban nhân dân xã LĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/3/2012. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên cuộc sống gia đình rất căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hiện nay chị và anh P không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc cho nhau, cũng không nói chuyện với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh Pc nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 2 con chung tên Đào Quốc Đ, sinh ngày 17/7/2012 và Đào Vỉ ĐĐ sinh ngày 03/11/2014. Cháu Đào Quốc Đại hiện do anh P nuôi dưỡng, cháu Đào Vỉ ĐĐ hiện do chị nuôi dưỡng, chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Đào Vỉ ĐĐ, đồng ý giao cháu Đào Quốc Đ cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Đào Văn P trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2024:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Long Điền T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Uỷ ban nhân dân xã LĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/3/2012. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã; mặc dù còn đang sống chung nhà nhưng anh và chị N không quan tâm đến nhau, cũng không nói chuyện với nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 2 con chung tên Đào Quốc Đ, sinh ngày 17/7/2012 và Đào Vỉ ĐĐ sinh ngày 03/11/2014. Cháu Đào Quốc Đ hiện do anh nuôi dưỡng, cháu Đào Vỉ ĐĐ hiện do chị N nuôi dưỡng. Nay anh đồng ý giao cháu Đào Vỉ ĐĐ cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Đào Quốc Đ, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Đào Văn P; về con chung: Giao cháu Đào Quốc Đ, sinh ngày 17/7/2012 cho anh Đào Văn P tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Đào Vỉ ĐĐ, sinh ngày 03/11/2014 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, chị N và anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Đào Văn P, anh P cư trú tại ấp AĐ, xã LĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Đào Văn P có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh P theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Đào Văn P, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh P đều xác định anh chị tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã LĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Uỷ ban nhân dân xã LĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/3/2012 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian chung sống chị N và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù còn sống chung nhưng không quan tâm và không chăm sóc cho nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị N yêu cầu ly hôn với anh P, còn anh P xác định không đồng ý ly hôn với chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh P đều xác định trong thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù còn sống chung nhưng không quan tâm và không chăm sóc cho nhau. Như vậy, giữa chị N và anh P không còn tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng không yêu thương, chăm sóc cho nhau, có căn cứ xác định hôn nhân của chị N và anh P mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Đào Văn P.

[4] Về con chung: Chị N và anh P đều xác định anh chị có 2 con chung tên Đào Quốc Đ, sinh ngày 17/7/2012, hiện do anh P nuôi dưỡng và Đào Vỉ ĐĐ, sinh ngày 03/11/2014, hiện do chị N nuôi dưỡng. Chị N và anh P thống nhất thoả thuận giao cháu Đào Quốc Đ cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Đào Vỉ ĐĐ cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 23/10/2024, cháu Đào Quốc Đ có nguyện vọng được sống chung với anh P, cháu Đào Vỉ ĐĐ có nguyện vọng được sống chung với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng của cháu Đào Vỉ ĐĐ và cháu Đào Quốc Đ phù hợp với sự thoả thuận của chị N và ông P; để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển bình thường của hai cháu thì cần tiếp tục giao cháu

Đào Quốc Đ cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Đào Vỉ ĐĐ cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N và anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét, giải quyết.

Chị N và anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh P xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Đào Văn P.

2. Về con chung:

- Giao cháu Đào Quốc Đ, sinh ngày 17/7/2012 cho anh Đào Văn P tiếp tục nuôi dưỡng.

- Giao cháu Đào Vỉ ĐĐ, sinh ngày 03/11//2014 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị N và anh Đào Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Nguyễn Thị N phải chịu, chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010669 ngày 07/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị N và anh Đào Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã LĐT;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni